

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25- 9- 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đồng Tịnh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Hải Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N- sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Số 04, Đường N, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn M- sinh năm: 1986

Nơi ĐKKHKT: Tổ 04 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 21 đường V, Phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn M vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, TP. Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau từ việc nhỏ đến việc lớn. Ngoài ra, ông M ham chơi, thường xuyên chơi banh bóng, số đề. Bà đã nhiều lần động viên nhưng ông M vẫn không thay đổi mà còn cố ý gây gổ với bà, nhiều lúc đánh đập bà. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, phần ai nấy sống, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà N xác định về tình cảm không còn thương yêu ông M, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc, vì vậy bà xin được ly hôn với ông Nguyễn M.

- Về nuôi con chung: Bà N xác định có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh C - sinh ngày 15/12/2015. Nếu ly hôn bà N đồng ý giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị N vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, TP. Đà Nẵng.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi

vã nhau từ việc nhỏ đến việc lớn. Ông M thừa nhận trước đây ông có những sai sót là ham chơi, không lo cho gia đình nhưng ông đã sửa đổi. Tuy nhiên, bà N vẫn không đồng ý. Thời gian sau này, ông được biết bà N nghe lời gia đình và đòi ly hôn ông. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, phần ai nấy sống, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà N làm đơn ly hôn, ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về nuôi con chung: Ông M xác định có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh C - sinh ngày 15/12/2015. Nếu ly hôn, ông M có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông M xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông M xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N đối với ông M.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh C - sinh ngày 15/12/2015 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Trước khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì bị đơn ông Nguyễn M đang cư trú tại số nhà 21 đường V, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn M nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn M.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Vợ chồng chung sống được một thời gian đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, nói năng xúc phạm nhau nhiều điều, xô xát gây mất an ninh trật tự tại địa phương, trong cuộc sống vợ chồng không quan tâm nhau, không chia sẻ công việc gia đình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà N xác định tình cảm không còn yêu thương ông M nữa nên nguyện vọng bà xin được ly hôn. Còn bị đơn ông M vắng mặt nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên ông đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[5] Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả vợ lẫn chồng cùng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Thế nhưng đối với vợ chồng ông bà thì không làm được điều đó. Từ

khi mâu thuẫn phát sinh ông, bà chưa có biện pháp gì để tháo gỡ những vướng mắc, bất đồng xảy ra trong cuộc sống mà mỗi người thích làm gì thì làm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung, đồng thời cách cư xử của ông M làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, hồ sơ ngăn cách giữa hai ông bà quá lớn không thể hàn gắn được và hai ông bà đều yêu cầu xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà N là phù hợp.

[6] Về nuôi con chung: Con chung giữa bà N và ông M có 01 người: Nguyễn Ngọc Minh C - sinh ngày 15/12/2015. Tại phiên toà bà N đồng ý giao con chung cho ông Nguyễn M trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng. Ông M vắng mặt nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án thì ông có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét sự thoả thuận về việc nuôi con chung của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về tài sản chung: Bà N và ông M xác định không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà N và ông M xác định không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[10] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm : 300.000 đồng bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn M.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn M.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 15/12/2015 cho ông Nguyễn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà N phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng biên lai thu số 7831 ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường T, quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết

